

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MCB
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2025

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MCB, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Vui

Ông Huỳnh Hiếu Trung

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Trọng Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 21/2025/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 24/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Quang V, sinh năm 1997;

Địa chỉ: ấp TT1, xã TT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Phan Thị Tường V, sinh năm 2001;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp TT1, xã TT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre;

Chỗ ở hiện nay: ấp ĐH, xã TA, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Đoàn Quang V trình bày:

Ông và bà Phan Thị Tường Vy tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã TT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre vào ngày 30/9/2019. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng ông hằn gấn tình cảm nhiều lần nhưng vẫn không được. Nay ông V xác định tình cảm không còn với bà V nên ông làm đơn xin ly hôn.

Trong quá trình hôn nhân, ông và bà V có 01 con chung tên Đoàn Tuấn K, sinh ngày 21/3/2019. Sau khi ly hôn, ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Ông V không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

* Theo biên bản hòa giải bị đơn bà Phan Thị Tường Vy trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông V về điều kiện kết hôn cũng như thời điểm kết hôn. Theo bà, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông V có quan hệ với người phụ nữ khác và có hành vi đánh đập bà. Nay ông V xin ly hôn, bà không đồng ý ly hôn do chưa chia tài sản

chung của vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Tuấn K, sinh ngày 21/3/2019. Sau khi ly hôn, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Bà V không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Có 01 căn nhà của vợ chồng xây dựng trên đất của ba mẹ chồng, bà yêu cầu chia đôi căn nhà nhưng bà V không có đơn yêu cầu cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh tài sản chung của vợ chồng.

- Về nợ chung: không có

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V. Về con chung: có 01 con chung tên Đoàn Tuấn Kiệt, sinh ngày 21/3/2019, hiện nay đang sống với ông V nên đề nghị sau khi ly hôn, ông V được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Ghi nhận ông V không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: ông V khai không có, bà V khai có căn nhà xây trên đất cha mẹ chồng nhưng không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có cơ sở xem xét giải quyết. Về nợ chung: ông V, và Vy khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Đoàn Quang V yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Phan Thị Tường V, do bà V hiện đang cư trú tại ấp ĐH, xã TA, huyện MCB, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ các Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

[2] Xét thấy, ông V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà V vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà V là đúng quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Ông Đoàn Quang V và bà Phan Thị Tường V tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre vào ngày 30/9/2019 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông V, bà V trình bày thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông V là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã nhau, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông làm đơn xin ly hôn. Theo bà V, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông V có quan hệ với người phụ nữ khác và có hành vi đánh đập bà.

Tòa án nhân dân huyện MCB đã tiến hành xác minh đối với bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980, là mẹ ruột ông V về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ông V, bà V được bà L cho biết: Ông V và bà V kết hôn với nhau năm 2019, có 01 con chung tên Đoàn Tuấn K, sinh ngày 21/3/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng ông V, bà V sống chung gia đình bà. Mâu thuẫn thế nào bà không rõ nhưng khoảng đầu năm 2024, bà nghe cháu nội nói ba của bà V đến nhà rước bà V về nhà cha mẹ ruột sinh sống mà không có gặp bà để nói chuyện. Bà V đi vài tháng về thăm con một lần, bình thường bà V cũng không có điện

thoại hỏi thăm con. Cháu K do bà chăm sóc, hiện nay đang học mẫu giáo.

Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa ông V, bà V thực tế đã xảy ra, bà V đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2024 cho đến nay nhưng vợ chồng không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Ông V xin ly hôn, bà V không đồng ý nhưng với lý do chưa chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà xây dựng trên đất của cha mẹ chồng. Tòa án đã Thông báo cho bà V nộp đơn yêu cầu độc lập về việc chia tài sản chung của vợ chồng kèm theo các tài liệu chứng cứ chứng minh để Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà V không có đơn yêu cầu, do đó Tòa án không có căn cứ giải quyết. Qua việc này cho thấy, bà V không đồng ý ly hôn với ông V vì chưa chia tài sản chứ không vì lý do vợ chồng còn thương yêu nhau muốn hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, mâu thuẫn hôn nhân vợ chồng ông V, bà V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông V là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình hôn nhân, ông V và bà V có 01 con chung tên Đoàn Tuấn K, sinh ngày 21/3/2019. Sau khi ly hôn, ông V và bà V đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà V đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2024 cho đến nay, cháu K sống cùng ông V cho đến nay và hiện đang đi học mẫu giáo, do đó Hội đồng xét xử xét thấy tránh việc xáo trộn cuộc sống cháu K cần thiết giao cháu K cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp. Ghi nhận ông V không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Quá trình hòa giải, ông V trình bày không có tài sản chung; bà V trình bày có tài sản chung là căn nhà xây dựng trên đất cha mẹ chồng cho và yêu cầu chia tài sản chung. Tòa án đã ra Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ số 154/TB-TA ngày 17/02/2025 nhưng bà V không có đơn yêu cầu chia tài sản chung, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh tài sản chung của vợ chồng, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết. Bà V có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: ông Đoàn Quang V và bà Phan Thị Tường V khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Lời phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Đoàn Quang V phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đoàn Quang V, cụ thể tuyên:
 - Về hôn nhân: Ông Đoàn Quang V được ly hôn bà Phan Thị Tường V.
 - Về con chung: Ông Đoàn Quang V và bà Phan Thị Tường V có 01 con chung tên Đoàn Tuấn K, sinh ngày 21/3/2019. Sau khi ly hôn, ông Đoàn Quang V là người trực

tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Ghi nhận ông V không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phan Thị Tường V được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Ông Đoàn Quang V khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Bà Phan Thị Tường V khai có tài sản chung nhưng không có đơn yêu cầu chia tài sản chung nên Tòa án không có cơ sở xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông Đoàn Quang V và bà Phan Thị Tường V khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông Đoàn Quang V phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006737 ngày 22/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCB.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện MCB;
- Chi Cục THADS huyện MCB;
- Các đương sự;
- UBND xã TT;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Doan Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Vui

Nguyễn Phước Bình

Nguyễn Thị Đoan Trang